

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TW 25 (UPHACE)**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**cho năm tài chính 2012**

Hồ Chí Minh, tháng 02 - năm 2013

**MỤC LỤC**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02 - 04
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	05 - 06
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	07 - 09
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	10
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	11
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	12 - 28



## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược phẩm TW 25 (Uphace) trình bày Báo cáo của Ban Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính 2012

### **Khái quát chung về Công ty**

Công ty Cổ phần Dược phẩm TW 25 (Uphace) (gọi tắt là “Công ty”) được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định số 5112/QĐ9-BYT ngày 11/12/2006 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc phê duyệt phương án và chuyển Xí nghiệp Dược phẩm TW 25 thành Công ty Cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300468511 đăng ký lần đầu ngày 19/06/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Theo giấy phép đăng ký thay đổi lần 9 ngày 05/07/2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, vốn điều lệ của Công ty hiện nay là: 55.646.410.000 VNĐ

### **Vốn kinh doanh của Công ty:**

Vốn điều lệ: **55.646.410.000 VNĐ** (Năm mươi lăm tỷ sáu trăm bốn mươi sáu triệu bốn trăm mười nghìn đồng)

Số TT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân, trụ sở chính của tổ chức	Số cổ phần	Tỷ lệ
1.	Đại diện vốn nhà nước (Tổng Công ty Dược Việt Nam) Đại diện: Lương Tú Thanh Đại diện: Lưu Minh Hành Đại diện: Nguyễn Thị Cẩm Đại diện: Nguyễn Đức Thịnh	Việt Nam	3.780.000	67,93%
2.	Quỹ Đầu tư Chứng khoán Việt Nam (VF1)	1701 - 1704 lầu 17, tòa nhà Mê Linh Point, số 2 Ngô Đức Kế, Quận 1, TPHCM	300.000	5,39%
3.	Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Việt Nam (VF2)	1701 - 1704 lầu 17, tòa nhà Mê Linh Point, số 2 Ngô Đức Kế, Quận 1, TPHCM	300.000	5,39%
4.	Công ty TNHH Dược phẩm Đại Việt Á	7A/5/32 Thành Thái, phường 14, quận 10, tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam	351.880	6,32%
5.	Các cổ đông khác	Việt Nam	832.761	14,97%
<b>Tổng cộng</b>			<b>5.564.641</b>	<b>100%</b>

12/2012  
CHI  
TP. H  
CÓN  
CH NH  
A TOÁN  
VIỆT  
ANH-

### **Ngành nghề kinh doanh của Công ty**

- Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu  
Chi tiết: sản xuất dược phẩm (không hoạt động tại trụ sở)
- Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột  
(không hoạt động tại trụ sở)
- Sản xuất các loại bánh từ bột  
(không hoạt động tại trụ sở)
- Xây xát và sản xuất bột thô  
(không hoạt động tại trụ sở)
- Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu  
Chi tiết: sản xuất thực phẩm đặc biệt như: đồ ăn dinh dưỡng, sữa và các thực phẩm dinh dưỡng, thức ăn cho trẻ nhỏ, thực phẩm có chứa thành phần hoóc môn (không hoạt động tại trụ sở).
- Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật  
(không hoạt động tại trụ sở)

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

(tiếp theo)

- Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa  
(không hoạt động tại trụ sở)
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng  
(không hoạt động tại trụ sở)
- Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh  
Chi tiết: sản xuất mỹ phẩm, hóa mỹ phẩm (không sản xuất tại trụ sở).
- Sản xuất sản phẩm từ plastic  
Chi tiết: sản xuất bao bì bằng nhựa (không tái chế phế thải tại trụ sở)
- Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng  
Chi tiết: sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế (không sản xuất tại trụ sở)
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình  
Chi tiết: kinh doanh dược phẩm. Mua bán mỹ phẩm, hóa mỹ phẩm.
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác  
Chi tiết: mua bán máy móc, thiết bị y tế
- Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp  
Chi tiết: Mua bán nước giải khát (không kinh doanh dịch vụ ăn uống tại trụ sở)
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh  
Chi tiết: mua bán nước giải khát (không kinh doanh dịch vụ ăn uống tại trụ sở)
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh  
Chi tiết: kinh doanh dược phẩm. Mua bán mỹ phẩm, hóa mỹ phẩm
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày  
Chi tiết: Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch: khách sạn (không hoạt động tại trụ sở). Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày (không hoạt động tại TPHCM)
- Giáo dục nghề nghiệp  
(không hoạt động tại trụ sở)
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu  
Chi tiết: mua bán bao bì bằng giấy, nhựa
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê  
Chi tiết: Kinh doanh bất động sản

Địa chỉ: 120 Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1, TPHCM

Tel: (84-8) 39 404 351; 39 404 969 Fax: (84-8) 39 414 975

**Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc**

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc điều hành Công ty năm 2012 và đến ngày lập Báo cáo tài chính, gồm:

**Hội đồng quản trị**

Ông Lương Tú Thanh	Chủ tịch	(bổ nhiệm từ ngày 27/04/2012)
Bà Nguyễn Thị Cẩm	Ủy viên	(bổ nhiệm từ ngày 27/04/2012)
Ông Nguyễn Đức Thịnh	Ủy viên	(bổ nhiệm từ ngày 27/04/2012)
Ông Lưu Minh Hành	Ủy viên	(bổ nhiệm từ ngày 27/04/2012)
Ông Phạm Trung Nghĩa	Ủy viên	
Ông Phan Xuân Kính	Chủ tịch	(miễn nhiệm từ ngày 27/04/2012)
Ông Lê Văn Sơn	Ủy viên	(miễn nhiệm từ ngày 27/04/2012)

CH  
S  
M  
T  
A  
E  
H  
A  
T  
P

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

(tiếp theo)

Bà Nguyễn Thị Mai Ủy viên (miễn nhiệm từ ngày 27/04/2012)

Bà Lương Thị Mỹ Hạnh Ủy viên (miễn nhiệm từ ngày 27/04/2012)

**Ban Tổng Giám đốc**

Ông Phan Xuân Kính Tổng giám Đốc

Bà Phạm Thị Nguyệt Phó Tổng giám Đốc

Bà Hồ Kim Bửu Phó Tổng giám Đốc

**Kiểm toán viên**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2012 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam - Chi nhánh tại TP Hồ Chí Minh.

**Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2012

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2012 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31/12/2012 và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán đang áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính này hay không; và
- Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi việc tiếp tục hoạt động của Công ty không được đảm bảo.

Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp, đầy đủ để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,



**Phan Xuân Kính**

**Tổng giám đốc**

**Công ty Cổ phần Dược phẩm TW 25 (Uphace)**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 01 năm 2013



Số: 13004 /TC-VAE-HCM

Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 02 năm 2013

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN**  
**về Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2012**  
**của Công ty Cổ phần Dược phẩm TW 25 (Uphace)**

**Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Dược phẩm TW 25 (Uphace)**

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam - Chi nhánh tại TP Hồ Chí Minh đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính 2012 được lập ngày 29 tháng 01 năm 2013 của Công ty Cổ phần Dược phẩm TW 25 (Uphace) (gọi tắt là 'Công ty') từ trang 07 đến trang 28 kèm theo. Báo cáo tài chính đã được lập theo các chính sách kế toán trình bày trong Thuyết minh Phần IV của Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc và của Kiểm toán viên**

Theo qui định của Chế độ kế toán Việt Nam và như đã trình bày từ trang 02 đến trang 04, Ban Tổng Giám đốc của Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính một cách trung thực và hợp lý. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến độc lập về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán và báo cáo ý kiến của chúng tôi cho Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dược phẩm TW 25 (Uphace).

**Cơ sở đưa ra ý kiến**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý là các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Dược phẩm TW 25 (Uphace) năm 2012:

- a, Đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại ngày 31/12/2012, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày; và
- b, Phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành cũng như các quy định khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo kiểm toán được lập thành mười (10) bản bằng tiếng Việt. Công ty Cổ phần Dược phẩm TW 25 (Uphace) giữ 09 bản, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam - Chi nhánh tại TP Hồ Chí Minh giữ 01 bản. Các bản có giá trị pháp lý như nhau.



---

**Huỳnh Văn Dũng**

Giám đốc

Chứng chỉ Kiểm toán viên số: Đ0047/KTV

*Thay mặt và đại diện,*

**Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE)**

**Chi nhánh tại TP Hồ Chí Minh**

---

**Âu Dương Uyển Phần**

Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 1347/KTV

Mẫu B 01 - DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
<b>A TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>87.007.763.532</b>	<b>105.400.542.303</b>
<b>I Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>9.541.286.508</b>	<b>15.771.408.402</b>
1 Tiền	111	V.1.	9.541.286.508	4.748.075.069
2 Các khoản tương đương tiền	112		-	11.023.333.333
<b>II Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>III Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>26.658.741.809</b>	<b>43.875.225.653</b>
1 Phải thu của khách hàng	131	VIII.28.1	22.233.980.606	30.682.137.199
2 Trả trước cho người bán	132	VIII.28.2	1.204.476.051	5.438.190.545
3 Phải thu nội bộ	133	VIII.28.3	4.232.027.758	7.408.248.446
5 Các khoản phải thu khác	135	V.2.	789.125.749	346.649.463
6 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(1.800.868.355)	-
<b>IV Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>48.248.509.317</b>	<b>44.642.862.284</b>
1 Hàng tồn kho	141	V.3.	48.248.509.317	44.642.862.284
2 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.559.225.898</b>	<b>1.111.045.964</b>
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151		696.408.509	323.365.066
2 Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.198.470.034	392.505.352
3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.4.	324.060.448	61.529.555
4 Tài sản ngắn hạn khác	158	VIII.28.4	340.286.907	333.645.991
<b>B TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200=210+220+240+250+260)	<b>200</b>		<b>57.907.412.792</b>	<b>53.182.148.576</b>
<b>I Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>II Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>49.221.040.584</b>	<b>44.432.512.223</b>
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.5.	49.199.651.688	43.947.436.023
- Nguyên giá	222		105.944.123.515	94.434.105.760
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(56.744.471.827)	(50.486.669.737)
2 Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3 Tài sản cố định vô hình	227	V.6.	21.388.896	79.722.228
- Nguyên giá	228		175.000.000	175.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(153.611.104)	(95.277.772)
4 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	405.353.972
<b>III Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>7.708.928.866</b>	<b>7.708.928.866</b>
1 Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3 Đầu tư dài hạn khác	258	V.7.	7.708.928.866	7.708.928.866
4 Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		-	-
<b>V Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>977.443.342</b>	<b>1.040.707.487</b>
1 Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8.	977.443.342	1.040.707.487
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (280=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>144.915.176.324</b>	<b>158.582.690.879</b>



Mẫu B 01 - DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
<b>A NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>77.537.148.126</b>	<b>98.441.769.181</b>
<b>I Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>66.678.350.366</b>	<b>85.391.982.238</b>
1 Vay và nợ ngắn hạn	311	V.9.	33.423.053.379	18.827.947.537
2 Phải trả người bán	312	VIII.28.5	11.440.584.837	17.476.124.275
3 Người mua trả tiền trước	313		92.088.154	61.508.102
4 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.10.	566.063.309	474.837.267
5 Phải trả người lao động	315	V.11.	1.876.291.253	4.699.600.000
6 Chi phí phải trả	316	V.12.	702.628.339	-
7 Phải trả nội bộ	317		-	-
8 Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD	318		-	-
9 Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.13.	18.081.516.338	43.231.057.950
10 Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		496.124.757	620.907.107
<b>II Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>10.858.797.760</b>	<b>13.049.786.943</b>
1 Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2 Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3 Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4 Vay và nợ dài hạn	334	V.14.	1.495.400.742	3.204.200.742
5 Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6 Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	3.689.183
7 Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8 Doanh thu chưa thực hiện	338	V.15.	6.593.600.008	6.593.600.008
9 Quỹ phát triển khoa học, công nghệ	339	V.16.	2.769.797.010	3.248.297.010
<b>B VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)</b>	<b>400</b>		<b>67.378.028.198</b>	<b>60.140.921.698</b>
<b>I Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>67.378.028.198</b>	<b>60.140.921.698</b>
1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.17.2	55.646.410.000	45.000.000.000
2 Thặng dư vốn cổ phần	412	V.17.1	2.129.282.000	-
3 Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4 Cổ phiếu quỹ (*)	414		-	-
5 Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6 Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	(23.309.486)
7 Quỹ đầu tư phát triển	417	V.17.5	5.112.213.855	3.712.213.855
8 Quỹ dự phòng tài chính	418	V.17.5	2.055.074.979	1.366.078.013
9 Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.17.1	2.435.047.364	10.085.939.316
11 Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12 Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
<b>II Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>144.915.176.324</b>	<b>158.582.690.879</b>

2022  
 CHI I  
 TP. H  
 CÔT  
 H NH  
 T CÀI  
 VIỆ  
 ANH

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

(tiếp theo)

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Chi tiêu	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
1 Tài sản thuê ngoài		-	-
2 Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3 Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4 Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5 Ngoại tệ (USD)		647,09	923,35
6 Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-
7 Nguồn vốn khấu hao cơ bản hiện có		-	-

TP.Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 01 năm 2013

**Kế toán trưởng**

**Nguyễn Thị Cẩm**

**Tổng giám đốc**



**Phan Xuân Kính**

08: HÃ CI G EM VÀ N TI

Mẫu B 02 - DN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
 Năm 2012

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
<b>1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>VI.18.</b>	<b>138.554.219.016</b>	<b>173.187.840.342</b>
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.19.	6.697.905.089	5.696.564.292
<b>3 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)</b>	<b>10</b>	<b>VI.20.</b>	<b>131.856.313.927</b>	<b>167.491.276.050</b>
<b>4 Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	<b>V.21.</b>	<b>102.434.987.088</b>	<b>130.066.955.508</b>
<b>5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)</b>	<b>20</b>		<b>29.421.326.839</b>	<b>37.424.320.542</b>
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.22.	2.750.848.578	6.261.336.907
7 Chi phí tài chính	22	VI.23.	4.873.855.591	4.110.269.024
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		4.341.532.897	2.324.745.477
8 Chi phí bán hàng	24	VIII.28.6	8.776.387.979	11.266.488.176
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VIII.28.7	13.429.459.281	12.279.724.831
<b>10 Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}</b>	<b>30</b>		<b>5.092.472.566</b>	<b>16.029.175.418</b>
11 Thu nhập khác	31		99.413.441	537.825.106
12 Chi phí khác	32		10.024.254	361.286
<b>13 Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>		<b>89.389.187</b>	<b>537.463.820</b>
<b>14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40+45)</b>	<b>50</b>		<b>5.181.861.753</b>	<b>16.566.639.238</b>
15 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.24.	461.663.680	2.786.699.922
16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
<b>17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN (60=50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>4.720.198.073</b>	<b>13.779.939.316</b>
Lợi nhuận phải chia cho các bên tham gia góp vốn theo hợp đồng hợp tác kinh doanh		VI.25	2.364.500.000	3.694.000.000
Lợi ích sau thuế của cổ đông của Công ty			2.355.698.073	10.085.939.316
<b>18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>VI.26.</b>	<b>423,33</b>	<b>2.241,32</b>

TP.Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 01 năm 2013

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc

Nguyễn Thị Cẩm



Phan Xuân Kính

Mẫu B 03 - DN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
 (Theo phương pháp trực tiếp)  
 Năm 2012

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2012	Năm 2011
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1	136.687.989.945	138.954.658.828
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	2	(65.718.020.171)	(87.184.226.906)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3	(7.018.796.512)	(18.096.641.216)
4. Tiền chi trả lãi vay	4	(4.338.108.897)	(2.314.232.386)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	5	(724.194.573)	(4.882.235.818)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6	26.819.711.939	53.252.819.352
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7	(66.163.282.503)	(60.325.062.037)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>19.545.299.228</b>	<b>19.405.079.817</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(7.932.216.574)	(7.733.130.337)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	20.742.700
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.226.594.321	2.900.022.230
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(6.705.622.253)</b>	<b>(4.812.365.407)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	12.775.692.000	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	55.693.762.120	47.612.231.431
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(81.277.124.419)	(52.583.417.474)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(6.262.128.570)	(5.844.788.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(19.069.798.869)</b>	<b>(10.815.974.043)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>(6.230.121.894)</b>	<b>3.776.740.367</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>15.771.408.402</b>	<b>11.962.800.560</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	31.867.475
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>9.541.286.508</b>	<b>15.771.408.402</b>

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Cẩm

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 01 năm 2013

Tổng giám đốc



Phan Xuân Kính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**Năm 2012**

**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Dược phẩm TW 25 (Uphace) (gọi tắt là “Công ty”) được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định số 5112/QĐ9-BYT ngày 11/12/2006 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc phê duyệt phương án và chuyển Xí nghiệp Dược phẩm TW 25 thành Công ty Cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300468511 đăng ký lần đầu ngày 19/06/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Theo giấy phép đăng ký thay đổi lần 9 ngày 05/07/2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, vốn điều lệ của Công ty hiện nay là: 55.646.410.000 VNĐ

**2. Lĩnh vực kinh doanh**

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất thuốc.

**3. Ngành nghề kinh doanh**

- Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu  
Chi tiết: sản xuất dược phẩm (không hoạt động tại trụ sở)
- Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột  
(không hoạt động tại trụ sở)
- Sản xuất các loại bánh từ bột  
(không hoạt động tại trụ sở)
- Xây xát và sản xuất bột thô  
(không hoạt động tại trụ sở)
- Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu  
Chi tiết: sản xuất thực phẩm đặc biệt như: đồ ăn dinh dưỡng, sữa và các thực phẩm dinh dưỡng, thức ăn cho trẻ nhỏ, thực phẩm có chứa thành phần hoóc môn (không hoạt động tại trụ sở).
- Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật  
(không hoạt động tại trụ sở)
- Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa  
(không hoạt động tại trụ sở)
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng  
(không hoạt động tại trụ sở)
- Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh  
Chi tiết: sản xuất mỹ phẩm, hóa mỹ phẩm (không sản xuất tại trụ sở).
- Sản xuất sản phẩm từ plastic  
Chi tiết: sản xuất bao bì bằng nhựa (không tái chế phế thải tại trụ sở)
- Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng  
Chi tiết: sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế (không sản xuất tại trụ sở)
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình  
Chi tiết: kinh doanh dược phẩm. Mua bán mỹ phẩm, hóa mỹ phẩm.
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác  
Chi tiết: mua bán máy móc, thiết bị y tế
- Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp  
Chi tiết: Mua bán nước giải khát (không kinh doanh dịch vụ ăn uống tại trụ sở)
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh  
Chi tiết: mua bán nước giải khát (không kinh doanh dịch vụ ăn uống tại trụ sở)
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh  
Chi tiết: kinh doanh dược phẩm. Mua bán mỹ phẩm, hóa mỹ phẩm



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

(tiếp theo)

- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày  
Chi tiết: Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch: khách sạn (không hoạt động tại trụ sở). Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày (không hoạt động tại TPHCM)
- Giáo dục nghề nghiệp  
(không hoạt động tại trụ sở)
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu  
Chi tiết: mua bán bao bì bằng giấy, nhựa
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê  
Chi tiết: Kinh doanh bất động sản

Địa chỉ: 120 Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1, TPHCM

### II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

#### 1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

#### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo phương pháp giá gốc, phù hợp với các quy định của Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003 và Chuẩn mực kế toán số 01 – Chuẩn mực chung.

### III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

#### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ - BTC ngày 20/3/2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán Doanh nghiệp.

Trong năm, Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định áp dụng việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư số 179/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012.

#### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

#### 3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức ghi sổ trên máy vi tính, sử dụng phần mềm kế toán GECNET

### IV. Các chính sách kế toán áp dụng

#### 1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003.

#### Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán

Các khoản tiền có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế. Tại thời điểm kết thúc năm tài chính số dư các khoản tiền có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng của Ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm khoá sổ lập Báo cáo tài chính.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

(tiếp theo)

### 2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

#### - Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

- **Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:** Bình quân gia quyền

- **Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:** Phương pháp kê khai thường xuyên

- **Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:**

Tại thời điểm 31/12/2012, Công ty không trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

### 3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

#### 3.1 Nguyên tắc ghi nhận phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chi tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 203/2009/QĐ - BTC ngày 20/10/2009 về việc Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế bao gồm giá thành thực tế của tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế và chi phí lắp đặt chạy thử.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Thời gian khấu hao &lt;năm&gt;</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50
Máy móc, thiết bị	4 - 5
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	6
Thiết bị, dụng cụ quản lý	4 - 5

#### 3.2 Nguyên tắc ghi nhận phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm quản lý.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 203/2009/QĐ - BTC ngày 20/10/2009 về việc Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

228  
NH  
HỒ C  
NG  
KIỂM  
N VÀ  
T N  
TI

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012  
(tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chi tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định vô hình. Kế toán TSCĐ vô hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

### Loại tài sản cố định

Phần mềm quản lý

### Thời gian khấu hao <năm >

4

#### **4. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay** **Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay**

Các khoản vay ngắn hạn của Công ty được ghi nhận theo hợp đồng, khế ước vay, phiếu thu, phiếu chi và chứng từ ngân hàng.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính. Riêng chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán số 16 – Chi phí đi vay.

#### **5. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

#### **6. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu từ bán thuốc, cho thuê nhà ....; Doanh thu từ tiền lãi tiền gửi

Doanh thu bán hàng hoá, sản phẩm được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc dồn tích, ghi nhận khi chuyển giao hàng hoá cho khách hàng, phát hành hoá đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán, phù hợp với 5 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực số 14 – "Doanh thu và thu nhập khác".

Doanh thu cung cấp dịch vụ được xác định khi dịch vụ hoàn thành, đã có nghiệm thu, thanh lý, đã phát hành hoá đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán, phù hợp với 4 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực số 14 – "Doanh thu và thu nhập khác". Phần công việc đã hoàn thành của dịch vụ cung cấp được xác định theo phương pháp tỷ lệ hoàn thành.

Doanh thu từ tiền lãi tiền gửi, được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực số 14 – "Doanh thu và thu nhập khác".

Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

#### **7. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay, chênh lệch tỷ giá.

101-C  
H  
MIN  
TY  
UU H  
NH G  
M  
Đ



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

(tiếp theo)

### 8. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

### 9. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

#### 9.1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu, phải trả

Nguyên tắc xác định khoản phải thu khách hàng dựa theo Hợp đồng và ghi nhận theo Hoá đơn bán hàng xuất cho khách hàng.

Khoản trả trước cho người bán được hạch toán căn cứ vào phiếu chi, chứng từ ngân hàng và Hợp đồng kinh tế.

Nguyên tắc xác định khoản phải trả người bán dựa theo Hợp đồng, phiếu nhập kho và ghi nhận theo Hoá đơn mua hàng của bên mua.

Khoản người mua trả trước được ghi nhận căn cứ vào hợp đồng, phiếu thu, chứng từ ngân hàng.

#### 9.2 Nguyên tắc ghi nhận các khoản vay ngắn hạn, dài hạn

Các khoản vay ngắn hạn, dài hạn được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước vay và các hợp đồng vay. Các khoản vay có thời hạn từ 1 năm tài chính trở xuống được Công ty ghi nhận là vay ngắn hạn. Các khoản vay có thời hạn trên 1 năm tài chính được Công ty ghi nhận là vay dài hạn.

#### 9.3 Các nghĩa vụ về thuế

##### *Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)*

Doanh nghiệp áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất thuế GTGT 0% đối với các lô hàng xuất khẩu, 5% đối với các mặt hàng thuốc, 10% đối với hoạt động dịch vụ cho thuê.

##### *Thuế thu nhập doanh nghiệp*

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định thuế Thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế Thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

##### *Thuế khác*

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

#### 9.4 Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hoá, vật tư xuất bán cho khách hàng, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

Giá vốn dịch vụ được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh để hoàn thành dịch vụ, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

Mẫu B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Năm 2012**

(tiếp theo)

**V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán**

<b>1. Tiền</b>	<b>31/12/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	3.365.464.901	3.499.626.311
Tiền gửi ngân hàng	6.175.821.607	1.248.448.758
Các khoản tương đương tiền	-	11.023.333.333
<b>Cộng</b>	<b>9.541.286.508</b>	<b>15.771.408.402</b>
<b>2. Các khoản phải thu ngắn hạn khác</b>	<b>31/12/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải thu khác	6.250.000	9.195.713
Công ty TNHH XD và Kinh doanh Nhà Kim Long	703.250.890	335.953.750
Công ty TNHH MTV Dược TW2	-	1.500.000
CN CTCP Dược phẩm TW25 tại Hà Nội	79.624.859	-
<b>Cộng</b>	<b>789.125.749</b>	<b>346.649.463</b>
<b>3. Hàng tồn kho</b>	<b>31/12/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Nguyên liệu, vật liệu	26.968.746.475	24.640.215.875
Công cụ, dụng cụ	34.215.896	120.107.173
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	4.183.989.000	9.466.626.795
Thành phẩm	17.061.557.946	10.415.912.441
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>48.248.509.317</b>	<b>44.642.862.284</b>
<b>4. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước</b>	<b>31/12/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	324.060.448	61.529.555
<b>Cộng</b>	<b>324.060.448</b>	<b>61.529.555</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2012

(tiếp theo)

**5. Tàng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Chi tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng	Đơn vị tính: VND
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư ngày 01/01/2012	36.576.986.162	53.941.320.525	2.523.009.487	1.392.789.586	94.434.105.760	
Mua trong kỳ	-	7.887.733.231	949.690.909	193.253.400	9.030.677.540	
Đầu tư XD/CB hoàn thành	2.613.018.615	-	-	-	2.613.018.615	
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	
Giảm khác	-	(120.000.000)	-	(13.678.400)	(133.678.400)	
<b>Số dư ngày 31/12/2012</b>	<b>39.190.004.777</b>	<b>61.709.053.756</b>	<b>3.472.700.396</b>	<b>1.572.364.586</b>	<b>105.944.123.515</b>	
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư ngày 01/01/2012	10.174.045.048	37.702.739.324	1.416.218.949	1.193.666.416	50.486.669.737	
Khấu hao trong kỳ	1.109.904.962	4.608.170.369	282.976.431	276.603.489	6.277.655.251	
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	
Giảm khác	-	(18.333.337)	-	(1.519.824)	(19.853.161)	
<b>Số dư ngày 31/12/2012</b>	<b>11.283.950.010</b>	<b>42.292.576.356</b>	<b>1.699.195.380</b>	<b>1.468.750.081</b>	<b>56.744.471.827</b>	
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày 01/01/2012	26.402.941.114	16.238.581.201	1.106.790.538	199.123.170	43.947.436.023	
Tại ngày 31/12/2012	27.906.054.767	19.416.477.400	1.773.505.016	103.614.505	49.199.651.688	

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 18.731.201.204 VND

Mẫu B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Năm 2012**  
 (tiếp theo)

**6. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

<u>Chi tiêu</u>	<u>Phần mềm</u>	<u>Tổng cộng</u>
<b>Nguyên giá</b>		
<b>Số dư ngày 01/01/2012</b>	<b>175.000.000</b>	<b>175.000.000</b>
Mua trong năm	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-
Giảm khác	-	-
<b>Số dư ngày 31/12/2012</b>	<b>175.000.000</b>	<b>175.000.000</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
<b>Số dư ngày 01/01/2012</b>	<b>95.277.772</b>	<b>95.277.772</b>
Khấu hao trong kỳ	58.333.332	58.333.332
Thanh lý, nhượng bán	-	-
<b>Số dư ngày 31/12/2012</b>	<b>153.611.104</b>	<b>153.611.104</b>
<b>Giá trị còn lại</b>		
<b>Tại ngày 01/01/2012</b>	<b>79.722.228</b>	<b>79.722.228</b>
<b>Tại ngày 31/12/2012</b>	<b>21.388.896</b>	<b>21.388.896</b>
<b>7. Đầu tư dài hạn khác</b>	<b>31/12/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Đầu tư hợp tác kinh doanh với Công ty Lộc Nam	4.072.832.266	4.072.832.266
Đầu tư hợp tác kinh doanh với CT TNHH XD và KD Nhà Kim Long	3.636.096.600	3.636.096.600
<b>Cộng</b>	<b>7.708.928.866</b>	<b>7.708.928.866</b>
<b>8. Chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>31/12/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	113.825.239	1.040.707.487
Chi phí sửa chữa phòng NCPT và nhà kho bao bì	88.006.105	-
Tiền thuê nhà cho chi nhánh Hà Nội	540.000.000	-
Chi phí sửa chữa văn phòng	235.611.998	-
<b>Cộng</b>	<b>977.443.342</b>	<b>1.040.707.487</b>
<b>9. Vay và nợ ngắn hạn</b>	<b>31/12/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Vay ngắn hạn ngân hàng (*)	29.378.653.379	18.667.947.537
- Vay ngắn hạn Ngân hàng Vietcombank (VND)	17.520.231.579	9.392.197.737
- Vay ngắn hạn Ngân hàng Vietcombank (569.350 USD)	11.858.421.800	9.275.749.800
Vay vốn của CB-CNV (**)	3.190.000.000	160.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	854.400.000	-
- Vay dài hạn Ngân hàng Vietcombank (VND)	854.400.000	-
<b>Cộng</b>	<b>33.423.053.379</b>	<b>18.827.947.537</b>

Mẫu B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2012

(tiếp theo)

- (\*) Hợp đồng tín dụng số 0159/TD9/12LD ngày 05/03/2012, với các điều khoản chi tiết sau:
- Hạn mức tín dụng: 50 tỷ đồng.
  - Mục đích vay: vay vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2012.
  - Thời hạn vay: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, thời hạn cho vay cụ thể của mỗi lần giải ngân được ghi trên từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 6 tháng.
  - Lãi suất cho vay: lãi suất tùy theo thời điểm nhận nợ của từng khoản vay, trong khoảng từ 12 - 16,5%/năm. Trả lãi vào ngày 26 mỗi tháng.
  - Hình thức bảo đảm tiền vay: thế chấp tài sản là nhà xưởng tại 448B Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4, TPHCM, trị giá: 28.362.016.764 đồng.
- (\*\*) Huy động vốn vay của các cá nhân để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, với lãi suất huy động do thỏa thuận giữa bên vay và bên cho vay, thời hạn vay từ 6 tháng đến 12 tháng.

10. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Thuế GTGT đầu ra	104.400.350	46.113.426
Thuế thu nhập cá nhân	188.298.035	155.358.917
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	273.364.924	273.364.924
<b>Cộng</b>	<b>566.063.309</b>	<b>474.837.267</b>
11. Phải trả người lao động	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Phải trả lương kỳ 2 tháng 12 và tháng 13 năm 2012	1.876.291.253	4.699.600.000
	<b>1.876.291.253</b>	<b>4.699.600.000</b>
12. Chi phí phải trả	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Trích trước tiền hoa hồng bán hàng	702.628.339	-
<b>Cộng</b>	<b>702.628.339</b>	<b>-</b>
13. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Tổng công ty Dược Việt Nam	15.470.500.000	42.383.062.500
Công ty Cổ phần Dược phẩm Bifaco	500.000.000	-
Công ty Cổ phần TM và Dược phẩm Hoàng Lan	1.307.941.337	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	803.075.001	847.995.450
<b>Cộng</b>	<b>18.081.516.338</b>	<b>43.231.057.950</b>
14. Vay và nợ dài hạn	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Vay dài hạn		
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	1.495.400.742	3.204.200.742
<b>Cộng</b>	<b>1.495.400.742</b>	<b>3.204.200.742</b>

Mẫu B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Năm 2012**  
**(tiếp theo)**

Hợp đồng tín dụng số 0519/TD9/10CD ngày 28/10/2010, với các điều khoản chi tiết sau:

- Số tiền vay: 4,3 tỷ đồng.
- Mục đích vay: vay vốn dự án cải tạo xưởng sản xuất Peniciline và Cephalosporin.
- Thời hạn vay: 60 tháng (5 năm) kể từ thời điểm giải ngân. Trả gốc 3 tháng 1 lần. Trả lãi vào ngày 26 hàng tháng.
- Lãi suất cho vay: lãi suất thả nổi, lãi suất tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng là 18,5%/năm.
- Hình thức bảo đảm tiền vay: đảm bảo bằng tài sản máy móc thiết bị và phương tiện vận tải trị giá 9.711.304.322 đồng.
- Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2012 là 2.349.800.742 đồng, trong đó nợ dài hạn đến hạn trả là: 854.400.000 đồng.

<b>15. Doanh thu chưa thực hiện</b>	<b>31/12/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Doanh thu chưa thực hiện từ dự án hợp tác kinh doanh theo hợp đồng số 08/LN-DP25 ngày 23/09/2008 với Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Kinh doanh Bất động sản Lộc Nam	6.593.600.008	6.593.600.008
	<b>6.593.600.008</b>	<b>6.593.600.008</b>
<b>16. Quỹ phát triển khoa học công nghệ</b>	<b>31/12/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Quỹ phát triển khoa học công nghệ	2.769.797.010	3.248.297.010
	<b>2.769.797.010</b>	<b>3.248.297.010</b>

11  
0  
1  
M  
TY  
H  
M  
M  
11

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TW 25 (UPHACE)**

120 Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1, TPHCM

Tel: (84-8) 39 404 351; 39 404 969 Fax: (84-8) 39 414 975

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
cho năm tài chính 2012

Mẫu B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2012

(tiếp theo)

**17. Vốn chủ sở hữu****17.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	1	2	3	4	5	6	7
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
<b>A</b>							
<b>Số dư tại ngày 01/01/2011</b>	<b>45.000.000.000</b>	-	<b>358.118.110</b>	<b>1.738.097.936</b>	<b>872.549.034</b>	<b>11.577.496.595</b>	<b>59.546.261.675</b>
- Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	13.779.939.316	<b>13.779.939.316</b>
- Tăng khác	-	-	55.491.015	1.974.115.919	493.528.979	-	<b>2.523.135.913</b>
- Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-
- Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	-	-
- Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	(436.918.611)	-	-	(15.271.496.595)	<b>(15.708.415.206)</b>
<b>Số dư tại ngày 31/12/2011</b>	<b>45.000.000.000</b>	-	<b>(23.309.486)</b>	<b>3.712.213.855</b>	<b>1.366.078.013</b>	<b>10.085.939.316</b>	<b>60.140.921.698</b>
- Tăng vốn trong năm nay	10.646.410.000	2.129.282.000	-	-	-	-	<b>12.775.692.000</b>
- Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	4.720.198.073	<b>4.720.198.073</b>
- Tăng khác	-	-	84.508.732	1.400.000.000	688.996.966	81.719.988	<b>2.255.225.686</b>
- Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-
- Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	-	-
- Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	(61.199.246)	-	-	(12.452.810.013)	<b>(12.514.009.259)</b>
<b>Số dư tại ngày 31/12/2012</b>	<b>55.646.410.000</b>	<b>2.129.282.000</b>	-	<b>5.112.213.855</b>	<b>2.055.074.979</b>	<b>2.435.047.364</b>	<b>67.378.028.198</b>

Mẫu B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Năm 2012**  
 (tiếp theo)

<b>17.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>	<b>31/12/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Vốn góp của nhà nước	37.800.000.000	28.350.000.000
Vốn góp của các cổ đông	17.846.410.000	16.650.000.000
<b>Cộng</b>	<b>55.646.410.000</b>	<b>45.000.000.000</b>
<b>17.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận</b>	<b>Năm 2012</b>	<b>Năm 2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>	<b>55.646.410.000</b>	<b>45.000.000.000</b>
Vốn góp đầu năm	45.000.000.000	45.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	10.646.410.000	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	55.646.410.000	45.000.000.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	<b>6.406.464.100</b>	<b>5.850.000.000</b>
<b>17.4 Cổ phiếu</b>	<b>31/12/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.564.641	4.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.564.641	4.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	5.564.641	4.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.564.641	4.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	5.564.641	4.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng		
<b>17.5 Các quỹ của Công ty</b>	<b>31/12/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Quỹ đầu tư phát triển	5.112.213.855	3.712.213.855
Quỹ dự phòng tài chính	2.055.074.979	1.366.078.013
<b>Tổng cộng</b>	<b>7.167.288.834</b>	<b>5.078.291.868</b>

**Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp**

Quỹ đầu tư phát triển: dùng để đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh, đổi mới máy móc thiết bị và dây chuyền công nghệ.

Quỹ dự phòng tài chính: nhằm đảm bảo sự cân đối trong các nhu cầu chi trả để duy trì và ổn định sản xuất kinh doanh, đồng thời cũng là nguồn tài chính để bổ sung vốn hoạt động của Công ty.



Mẫu B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Năm 2012**  
 (tiếp theo)

**VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

<b>18. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>Năm 2012</b>	<b>Năm 2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Doanh thu bán hàng	133.953.752.302	168.788.797.796
Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.600.466.714	4.399.042.546
<b>Cộng</b>	<b>138.554.219.016</b>	<b>173.187.840.342</b>
<b>19. Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>Năm 2012</b>	<b>Năm 2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chiết khấu thương mại	5.482.527.618	4.109.762.823
Hàng bán bị trả lại	1.215.377.471	1.586.801.469
<b>Cộng</b>	<b>6.697.905.089</b>	<b>5.696.564.292,00</b>
<b>20. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>Năm 2012</b>	<b>Năm 2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Doanh thu bán hàng	127.255.847.213	163.092.233.504
Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.600.466.714	4.399.042.546
<b>Cộng</b>	<b>131.856.313.927</b>	<b>167.491.276.050</b>
<b>21. Giá vốn hàng bán</b>	<b>Năm 2012</b>	<b>Năm 2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Giá vốn hàng hoá, thành phẩm đã bán	102.434.987.088	130.066.955.508
<b>Cộng</b>	<b>102.434.987.088</b>	<b>130.066.955.508</b>
<b>22. Doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b>Năm 2012</b>	<b>Năm 2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	529.794.321	884.034.360
Lãi bán hàng trả chậm	-	267.870
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.071.680.000	5.312.519.996
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	112.852.225	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	36.522.032	64.514.681
<b>Cộng</b>	<b>2.750.848.578</b>	<b>6.261.336.907</b>
<b>23. Chi phí tài chính</b>	<b>Năm 2012</b>	<b>Năm 2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi tiền vay	4.341.532.897	2.324.745.477
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	112.096.265	1.063.365.005
Chi phí tài chính khác	420.226.429	722.158.542
<b>Cộng</b>	<b>4.873.855.591</b>	<b>4.110.269.024</b>

TRÁCH MIỆNG  
 KIỂM TOÁN  
 CÔNG TY TNHH  
 TRẮC KIỂM  
 SỐ QUẢN LÝ  
 010

**Mẫu B 09 - DN**

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Năm 2012**  
 (tiếp theo)

24. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Năm 2012	
	VND	
Doanh thu chịu thuế thu nhập doanh nghiệp		134.706.575.946
Chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp		129.524.714.193
Lợi nhuận kế toán trước thuế		5.181.861.753
Chi phí không hợp lý, hợp lệ		1.100.972.967
Thu nhập không chịu thuế TNDN		4.436.180.000
Thu nhập chịu thuế TNDN		1.846.654.720
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp		25%
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.		461.663.680
<b>Cộng</b>		<b>461.663.680</b>

  

25. Lợi nhuận phải chia cho các bên tham gia góp vốn theo hợp đồng hợp tác kinh doanh	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 488/2011/TCTD-HĐHTKD ngày 04/08/2011	-	2.294.000.000
Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 066/2011/TCTD/HĐHTKD ngày 26/01/2011	1.894.000.000	1.400.000.000
Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 502/2012/TCTD-HĐHTKD ngày 04/09/2012	470.500.000	
	<b>2.364.500.000</b>	<b>3.694.000.000</b>

  

26. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.355.698.073	10.085.939.316
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	2.355.698.073	10.085.939.316
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	5.564.641	4.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	423,33	2.241,32
<b>Cộng</b>	<b>423,33</b>	<b>2.241,32</b>

20  
 CHI  
 TP.1  
 CỔ  
 H NI  
 TOÁ  
 VIỆ  
 1/12

Mẫu B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Năm 2012**  
 (tiếp theo)

**VIII. Những thông tin khác**

**27. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác**

Công ty có ký hợp đồng hợp tác kinh doanh số 08/LN-DP25 ngày 23/09/2008 với Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng Kinh doanh Bất động sản Lộc Nam (sau đó, công ty Lộc Nam có văn bản đề nghị với nội dung Công ty Lộc Nam xin được chuyển mọi quyền lợi và nghĩa vụ của hợp đồng hợp tác số 08/LN-DP25 ngày 23/08/2012 sang cho Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Hoàn Lộc Việt) cùng đầu tư xây dựng kinh doanh khu cao ốc văn phòng cho thuê. Đến nay, dự án vẫn chưa được triển khai do hai bên đều chưa thống nhất được phương án kinh doanh, và có khả năng thanh lý hợp đồng. Vì vậy, theo biên bản họp Hội đồng quản trị ngày 03 tháng 12 năm 2012, Hội đồng quản trị thống nhất sẽ tiến hành họp bàn với Công ty Hoàn Lộc Việt để có quyết định cụ thể.

Trong trường hợp xấu nhất, 2 bên phải thanh lý hợp đồng, Công ty Cổ phần Dược phẩm TW 25 phải trả lại số tiền ứng trước lợi nhuận hợp tác kinh doanh của 05 (năm) năm đầu là một (01) triệu đôla Mỹ, tương đương 16.484.000.000đ, Công ty có kế hoạch vay ngắn hạn để trả lại.

**28. Những thông tin khác**

**28.1 Phải thu của khách hàng**

	<b>31/12/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lưu Minh Hành	278.294.079	476.684.849
Cửa hàng Quận 10	11.087.247.237	18.804.703.058
Cửa hàng Hai Bà Trưng	578.765.302	-
Công ty TNHH Dược phẩm Huỳnh Lê	184.012.257	667.920.397
Công ty TNHH Dược phẩm Phan Rang	136.535.926	60.884.757
CTCP Tập đoàn Truyền thông Đa phương tiện Đất Việt VAC	114.895.000	-
Công ty TNHH XD và KD Nhà Kim Long	5.589.053.184	1.088.383.296
Công ty TNHH dược phẩm Thiên Sơn	389.023.022	251.886.688
Công ty TNHH dược phẩm Trường Khang	1.094.066.954	535.257.511
Công ty TNHH Dược phẩm và TTYT Quang Phát	266.985.423	472.427.719
CTCP Dược & Thiết bị y tế Đà Nẵng	271.601.185	3.924.458
Công ty CP dược phẩm MP & TM Bà Rịa Vũng Tàu	181.143.362	323.047.146
DNTN Ảnh màu Quang Vy	139.360.000	-
Nguyễn Hòa	71.989.867	213.894.521
Nhà thuốc Thái Bình	169.337.735	-
Nhà thuốc Thanh Dũng	115.644.950	-
Các đối tượng khác	1.844.319.202	8.259.807.648
<b>Cộng</b>	<b>22.233.980.606</b>	<b>30.682.137.199</b>

**28.2 Trả trước cho người bán**

	<b>31/12/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty TNHH Xây dựng TMDV Phú Hải Lâm	-	1.122.964.117
Công ty CP Cơ điện lạnh Nhất Phương	-	3.190.518.320
Công ty CP Kỹ thuật và Dịch vụ Cơ Điện Lạnh Tiến Sinh	490.200.000	-
Công ty TNHH Phước Đăng	294.250.000	-
CTCP Nghiên cứu & Triển khai sản phẩm KHCN Sáng tạo Trần Vũ	149.600.000	-
Các đối tượng khác	270.426.051	1.124.708.108
<b>Cộng</b>	<b>1.204.476.051</b>	<b>5.438.190.545</b>

Mẫu B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Năm 2012**  
 (tiếp theo)

<b>28.3 Phái thu nội bộ</b>	<b>31/12/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi nhánh Hà Nội	4.232.027.758	7.408.248.446
	<b>4.232.027.758</b>	<b>7.408.248.446</b>
<b>28.4 Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>31/12/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tạm ứng	131.755.907	114.310.791
Thẻ chấp, ký cược, ký quỹ ngắn hạn	208.531.000	219.335.200
<b>Cộng</b>	<b>340.286.907</b>	<b>333.645.991</b>
<b>28.5 Phái trả người bán</b>	<b>31/12/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty TNHH Bao bì Tấn Thành	293.557.000	133.784.311
Công ty TNHH TM SX Oai Hùng	176.391.545	-
Công ty TNHH MTV Dược TW 1 - CN HCM	1.704.150.000	2.205.776.250
Chi nhánh CTCP Quốc tế Đông Phương	109.852.004	119.605.118
Công ty TNHH Hoàng Ngân Anh	149.625.000	-
Công ty TNHH Đại Lục	385.050.600	634.088.510
Công ty TNHH Dược phẩm Thành Đạt	531.283.614	1.294.540.457
Công ty TNHH Dược phẩm Thiên Sơn	738.984.368	1.026.410.275
Công ty TNHH Dược phẩm Trường Giang	2.029.938.196	1.625.184.794
Công ty Cổ phần Hóa Dược Việt Nam	225.750.000	-
Công ty TNHH SX TM Nhựa Cường Phát	414.221.500	458.797.680
Nectar Lifesciences Ltd	1.647.494.800	-
Austin Pharma Specialties Co.	1.119.505.000	-
Công ty CP TM và Dược phẩm Hoàng Lan	843.186.618	1.362.154.382
Các đối tượng khác	1.071.594.592	8.615.782.498
<b>Cộng</b>	<b>11.440.584.837</b>	<b>17.476.124.275</b>
<b>28.6 Chi phí bán hàng</b>	<b>Năm 2012</b>	<b>Năm 2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nhân viên	2.127.861.439	5.175.626.136
Chi phí vật liệu, bao bì	6.626.387,00	18.269.159
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	4	26.923.280
Chi phí khấu hao TSCĐ	10.835.052	3.962.385
Chi phí bằng tiền khác	6.631.065.097	6.041.707.216
<b>Cộng</b>	<b>8.776.387.979</b>	<b>11.266.488.176</b>

Mẫu B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Năm 2012**  
(tiếp theo)

28.7 Chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	3.984.782.767	3.677.808.262
Chi phí vật liệu quản lý	5.307.123	18.373.475
Chi phí đồ dùng văn phòng	28.296.960	48.148.580
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.383.769.697	1.556.896.027
Thuế, phí và lệ phí	1.177.952.424	514.101.317
Chi phí bằng tiền khác	6.849.350.310	6.464.397.170
<b>Cộng</b>	<b>13.429.459.281</b>	<b>12.279.724.831</b>

29. Thông tin về các bên liên quan

Giao dịch với các bên liên quan Quan hệ với Công ty Năm 2012

**Mua hàng**

Công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương 1	Đơn vị thành viên	5.703.150.000
Công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương 2	Đơn vị thành viên	2.527.823.160

**Bán hàng**

Công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương 1	Đơn vị thành viên	97.443.532
Công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương 2	Đơn vị thành viên	1.472.265.730

Số dư với các bên liên quan Quan hệ với Công ty Năm 2012

**Phải trả người bán**

Công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương 1	Đơn vị thành viên	1.704.150.000
Công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương 2	Đơn vị thành viên	12.121.891

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Cẩm

TP.Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 01 năm 2013

Tổng giám đốc  
Phan Xuân Kính

